

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử trình độ đại học  
của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên

**HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-KĐCLGDTL ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 442/QĐ-KĐCLGDTL ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 19 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục Trường Đại học Phan Châu Trinh và 06 chương trình đào tạo của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 19 ngày 26 tháng 5 năm 2025.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 45 tiêu chí (chiếm 90%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 2.** Kiến nghị Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử trình độ đại học (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 3.** Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử trình độ đại học cho Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên theo quy định hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐHCNTTTT, ĐHTN;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



**Phí Thị Nguyệt Thanh**



**Phụ lục I**  
**Kết quả đánh giá chất lượng**  
**chương trình đào tạo Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử trình độ đại học**  
**của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên**  
(Kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐKĐCLGD ngày 31/5/2025  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                    |                              |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------|------------------------------|
|                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số tiêu<br>chí đạt (%) |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |                            | 3,67                        | 2                  | 66,67                        |
| Tiêu chí 1.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 1.2            | 3                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 1.3            | 4                          | 3,67                        | 2                  | 66,67                        |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |                            |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 2.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 2.2            | 3                          | 3,67                        | 2                  | 66,67                        |
| Tiêu chí 2.3            | 4                          |                             |                    |                              |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |                            | 3,67                        | 2                  | 66,67                        |
| Tiêu chí 3.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 3.2            | 3                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 3.3            | 4                          | 4,00                        | 3                  | 100                          |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |                            |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 4.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 4.2            | 4                          | 3,80                        | 4                  | 80                           |
| Tiêu chí 4.3            | 4                          |                             |                    |                              |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |                            |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 5.1            | 4                          | 4,00                        | 7                  | 100                          |
| Tiêu chí 5.2            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 5.3            | 3                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 5.4            | 4                          | 4,00                        | 7                  | 100                          |
| Tiêu chí 5.5            | 4                          |                             |                    |                              |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b>     |                            |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 6.1            | 4                          | 4,00                        | 7                  | 100                          |
| Tiêu chí 6.2            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 6.3            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 6.4            | 4                          | 4,00                        | 7                  | 100                          |
| Tiêu chí 6.5            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 6.6            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 6.7            | 4                          | 4,00                        | 7                  | 100                          |

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                    |                              |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------|------------------------------|
|                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số tiêu<br>chí đạt (%) |
| <b>Tiêu chuẩn 7</b>     |                            | 4,00                        | 5                  | 100                          |
| Tiêu chí 7.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 7.2            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 7.3            | 4                          | 4,20                        | 5                  | 100                          |
| Tiêu chí 7.4            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 7.5            | 4                          |                             |                    |                              |
| <b>Tiêu chuẩn 8</b>     |                            | 4,20                        | 5                  | 100                          |
| Tiêu chí 8.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 8.2            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 8.3            | 4                          | 4,20                        | 5                  | 100                          |
| Tiêu chí 8.4            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 8.5            | 5                          |                             |                    |                              |
| <b>Tiêu chuẩn 9</b>     |                            | 4,20                        | 5                  | 100                          |
| Tiêu chí 9.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 9.2            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 9.3            | 4                          | 3,83                        | 5                  | 83,33                        |
| Tiêu chí 9.4            | 5                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 9.5            | 4                          |                             |                    |                              |
| <b>Tiêu chuẩn 10</b>    |                            | 3,83                        | 5                  | 83,33                        |
| Tiêu chí 10.1           | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 10.2           | 3                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 10.3           | 4                          | 4,00                        | 5                  | 100                          |
| Tiêu chí 10.4           | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 10.5           | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 10.6           | 4                          | 4,00                        | 5                  | 100                          |
| <b>Tiêu chuẩn 11</b>    |                            |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 11.1           | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 11.2           | 4                          | 4,00                        | 5                  | 100                          |
| Tiêu chí 11.3           | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 11.4           | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 11.5           | 4                          | 4,00                        | 5                  | 100                          |

| Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
|----------------|-----------------|---------------------------|
| 3,94           | 45              | 90                        |



**Phụ lục II**  
**Kiến nghị cải tiến chất lượng**  
**Chương trình đào tạo Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử trình độ đại học**  
**của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/5/2025*  
*của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

## **I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT**

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT rõ ràng, có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được ban hành, nêu được cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học và triển vọng việc làm trong tương lai.

2. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin theo quy định và được cập nhật một số thông tin mới. Các học phần của CTĐT có đủ các thông tin theo quy định; đề cương chi tiết các học phần được rà soát, bổ sung theo kế hoạch của Nhà trường. Bản mô tả CTĐT và tất cả các đề cương học phần đã được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường; các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết các học phần của CTĐT.

3. Chương trình dạy học được thiết kế về cơ bản dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra của CTĐT về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; bản mô tả chương trình dạy học đã chỉ rõ sự đóng góp của từng học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT. Phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra đánh giá được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết của mỗi học phần. Trong quá trình điều chỉnh, cập nhật CTĐT, toàn bộ các học phần trong CTĐT đã được tham khảo các ý kiến chuyên gia từ các trường đại học trong nước và một số doanh nghiệp để đảm bảo sự tương thích về nội dung. Toàn bộ các học phần đều đã mô tả đóng góp cụ thể vào chuẩn đầu ra của CTĐT bao gồm kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

4. Nhà trường đã có tuyên bố chính thức về Triết lý giáo dục và được phổ biến đến cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên của Trường. Giảng viên giảng dạy CTĐT đã đưa ra các chiến lược dạy học và hướng dẫn người học sử dụng các hoạt động học tập phù hợp như hoạt động nhóm, giao bài tập về nhà, tham gia nghiên cứu khoa học, làm dự án, tham quan trải nghiệm tại các doanh nghiệp liên quan đến CTĐT, giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được chuẩn đầu ra; người học hài lòng về hoạt động giảng dạy của giảng viên. 100% các đề cương chi tiết các học phần đều mô tả việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập, đều có các nội dung liên quan đến hoạt động của người học trong quá trình học tập. giảng viên sử dụng nhiều hình thức tổ chức hoạt động,

khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, tự tìm hiểu nội dung bài học trước khi đến lớp, phương pháp dự án, tổ chức cho sinh viên thực tập, cho sinh viên đi thực tế tại các doanh nghiệp.

5. Nhà trường đã có Quy trình/kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Nhà trường đã có các quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi và được công khai tới người học trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, qua tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khóa học, thông qua cố vấn học tập, giảng viên giảng dạy các học phần ngay buổi học đầu tiên. Nhà trường đã phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập thông qua tuần sinh hoạt công dân cho sinh viên.

6. Trường có quy hoạch phát triển đội ngũ thể hiện trong Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến 2030. Khoa có đội ngũ giảng viên đảm bảo về số lượng và trình độ. Quy định tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được ban hành khá đầy đủ, được công bố công khai trên trang website của Trường/Khoa. Năng lực của đội ngũ giảng viên được đánh giá hằng năm theo các quy định. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn của giảng viên được thực hiện cơ bản theo kế hoạch. Khối lượng công việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học của giảng viên/nghiên cứu viên được xác định rõ ràng theo quy định, có quy đổi ra số giờ chuẩn theo từng vị trí, chức danh cụ thể làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại giảng viên và bình xét thi đua khen thưởng hằng năm. Quy định hoạt động phục vụ cộng đồng thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ trực tiếp, gián tiếp tới công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

7. Nhà trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm, trong đó xác định cụ thể tên vị trí việc làm, khung năng lực và mô tả công việc chi tiết cho từng vị trí nhân viên. Nhà trường có chính sách thu hút, tuyển dụng và phát triển đội ngũ nhân viên. Số lượng và trình độ đội ngũ cán bộ làm việc tại các phòng, ban, khoa đáp ứng yêu cầu. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm được thực hiện theo các quy định của Đại học Thái Nguyên, của Trường với quy trình và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, được phổ biến công khai bằng các hình thức khác nhau. Việc đánh giá phân loại công chức, viên chức và người lao động được hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục, tiêu chí đánh giá, phân loại. Việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ hỗ trợ được thực hiện thường xuyên dựa trên nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của các đơn vị chức năng.

8. Chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được rà soát, đánh giá và cập nhật hàng năm thông qua đề án tuyển sinh, bảo đảm phù hợp với quy định của Đại học Thái Nguyên và Bộ Giáo dục và Đào tạo; được công bố công khai tới các bên liên quan với nhiều hình thức. Hoạt động tư vấn và quảng bá tuyển sinh được chú trọng và triển khai hiệu quả. Hệ thống quản lý, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được thiết lập và vận hành hiệu quả; được thực hiện chặt chẽ từ cấp Khoa đến cấp Trường. Sự tiến bộ trong học tập và rèn

luyện của người học được giám sát kịp thời, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt loại khá, giỏi và xuất sắc cao và tăng dần từng năm. Việc tra cứu lịch học, lịch thi, kết quả học tập, đăng ký học, đăng ký thi, đăng ký thi cải thiện/trả nợ của sinh viên đều thực hiện đều thực hiện trên trang web đào tạo tin chỉ của Trường, tạo sự thuận lợi và đáp ứng đủ nhu cầu của sinh viên. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ người học giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho sinh viên được nhà trường chú trọng có phân công riêng cho các đơn vị/bộ phận/cá nhân thực hiện và triển khai theo kế hoạch và triển khai một cách có hệ thống và có tác dụng thiết thực đối với sinh viên trong cải thiện học tập và đáp ứng yêu cầu tìm việc làm của sinh viên. Sinh viên tốt nghiệp sớm tìm được việc làm và có tỉ lệ việc làm cao. Chất lượng, hiệu quả của hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm theo các năm trong giai đoạn đánh giá được người học đánh giá cao. Các chính sách, nội quy, quy chế, quy định đối với sinh viên được công bố công khai trang thông tin điện tử của Trường, được in trong sổ tay sinh viên, giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận và thực hiện. Các hoạt động về y tế, an toàn vệ sinh thực phẩm, công tác phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự và an toàn trường học... được Trường thực hiện bài bản, bảo đảm theo quy định, được ghi nhận của cơ quan chức năng. Sinh viên được bảo đảm đầy đủ các quyền lợi; được hỗ trợ, được miễn giảm học phí và được cấp học bổng... Môi trường tâm lý xã hội, cảnh quan của trường (xanh hoá, đa dạng và chú trọng) tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái cho cá nhân người học, được sinh viên đánh giá cao.

9. Hệ thống hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng học và các phòng chức năng được đầu tư tương đối đồng bộ, đảm bảo tỷ lệ diện tích sàn xây dựng/người học chính quy quy đối với đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Thư viện có không gian đọc rộng rãi, tạo điều kiện thuận lợi cho người học tiếp cận tài liệu in và tài liệu số. Hệ thống quản lý thư viện được vận hành bằng phần mềm Elib, nguồn học liệu cơ bản đáp ứng yêu cầu. Hệ thống phòng thực hành chuyên ngành đầy đủ các thiết bị đặc thù phù hợp với đặc điểm của CTĐT, được bảo trì, nâng cấp định kỳ hằng năm và có cán bộ kỹ thuật chuyên trách theo dõi, quản lý. Hệ thống công nghệ thông tin triển khai đồng bộ, hiện đại với mạng Internet tốc độ cao. Trường đã ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong quản lý và đào tạo thông qua các phần mềm. Các tiêu chuẩn về sức khỏe, an toàn được Trường cụ thể hóa bằng văn bản và được triển khai đồng bộ, có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. Môi trường học tập an toàn, thân thiện và xanh - sạch - đẹp. Hệ thống y tế học đường hoạt động hiệu quả, đảm bảo chăm sóc sức khỏe cho người học, giảng viên và người lao động. Công tác phòng cháy chữa cháy, an ninh trật tự được triển khai nghiêm túc, có đội phòng cháy chữa cháy cơ sở và hệ thống giám sát an ninh 24/7.

10. Nhà trường đã xây dựng hệ thống thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT. Có quy định việc rà soát, đánh giá các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học nhằm đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra. Giảng viên của Khoa tham gia nghiên cứu khoa học và có một số nghiên cứu ứng dụng vào giảng dạy cũng như cải tiến hoạt động

dạy và học; các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định từ Ban Giám hiệu đến các cơ quan đơn vị và được đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phản hồi của các bên liên quan.

11. Nhà trường và Khoa đã xác lập, giám sát được các tiêu chí: tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, tốt nghiệp đúng hạn; thời gian tốt nghiệp trung bình; tỷ lệ có việc làm; loại hình và các hoạt động nghiên cứu của sinh viên; mức độ hài lòng của các bên liên quan. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện với các nội dung và hình thức khác nhau theo quy trình thống nhất đã ban hành. Một phần lớn kết quả được áp dụng để cải tiến chất lượng CTĐT ngày một tốt hơn.

## II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát lại mục tiêu CTĐT để đảm bảo bao phủ toàn bộ sứ mạng, tầm nhìn của Trường; rà soát lại cách diễn đạt chuẩn đầu ra của CTĐT để đảm bảo đo lường và đánh giá được, các chuẩn đầu ra cần mang tính đặc thù của ngành; xem xét tăng cường chuẩn đầu ra ở các mức cao trong thang đo BLOOM để phù hợp với yêu cầu của trình độ đại học, bổ sung các chuẩn đầu ra liên quan đến kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác, phù hợp với Khung trình độ Quốc gia; đa dạng các kênh công bố chuẩn đầu ra, hiển thị các chuẩn đầu ra của CTĐT và chuẩn đầu ra học phần vào tài khoản của sinh viên trên hệ thống quản lý đào tạo; thiết kế riêng một mục về chuẩn đầu ra của các CTĐT trên cổng thông tin điện tử của Trường để các bên liên quan thuận tiện cho tra cứu.

2. Xem xét cấp 1 văn bằng với cùng trình độ đào tạo là bằng cử nhân, trường hợp cấp thêm bằng kỹ sư thì nên cấp bằng kỹ sư chuyên sâu đặc thù tương đương với trình độ sau đại học (bậc 7 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam); bổ sung một số công nghệ mới trong lĩnh vực điện, điện tử như lưới điện thông minh, mô phỏng số trong hệ thống kỹ thuật, ứng dụng AI và học máy trong điện, điện tử, an toàn thông tin trong hệ thống điện tử vào CTĐT; bổ sung mục “Phương pháp dạy học” và xác định rõ các phương pháp dạy học phù hợp với đặc thù của học phần; thực hiện khảo sát ý kiến về các hình thức và mức độ hiệu quả của việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần trong các cuộc gặp gỡ giao lưu với nhà tuyển dụng.

3. Phân tích đặc điểm của từng học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT mà học phần đó đóng góp để đưa ra các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp; rà soát lại các mức đóng góp của toàn bộ học phần để đảm bảo sinh viên đạt được chuẩn đầu ra tại thời điểm tốt nghiệp; định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về nội dung các học phần trong chương trình dạy học thể hiện

việc đạt được chuẩn đầu ra; tham khảo ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là giảng viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp để xác định các học phần học trước, học phần tiên quyết và học phần song hành cho phù hợp; xem xét đưa ra tiêu chí để lựa chọn CTĐT hoặc cơ sở giáo dục để tham khảo như định hướng thiết kế của CTĐT là nghiên cứu hay ứng dụng, tỉ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp, xếp hạng của lĩnh vực hoặc cơ sở giáo dục đại học.

4. Trong kỳ rà soát CTĐT và đề cương chi tiết học phần sắp tới, cần điều chỉnh/bổ sung chi tiết hơn, mô tả sâu hơn về các hoạt động của sinh viên trước, trong và sau giờ học để giúp định hướng phương pháp học tập một cách tốt nhất, phù hợp với đặc thù của từng học phần cho sinh viên; tổ chức một số phòng Lab để sinh viên có môi trường nghiên cứu; giảng viên tăng cường giao cho sinh viên đọc và tổng hợp tài liệu để giúp sinh viên rèn luyện khả năng học tập suốt đời; nâng cao trình độ tiếng Anh cho sinh viên bao gồm cả tiếng Anh giao tiếp và tiếng Anh chuyên ngành; tăng cường kỹ năng mềm cho sinh viên như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng viết CV, email.

5. Rà soát, tổng hợp, phân tích mức độ phù hợp của các hình thức thi đối với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của các học phần để làm căn cứ cải tiến; tổ chức hội đồng chuyên môn để rà soát và điều chỉnh nội dung đề thi, đảm bảo đo lường được chuẩn đầu ra mà học phần đó đóng góp, đa dạng hóa hình thức kiểm tra để đo lường toàn diện chuẩn đầu ra; nghiên cứu để từng bước sử dụng phần mềm để đánh giá độ tin cậy và độ giá trị của câu hỏi thi, đề thi hết học phần để khẳng định mức độ đề thi đo lường chính xác việc người học đạt chuẩn đầu ra của học phần.

6. Có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển đội ngũ gắn với yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng để có kết quả đối sánh làm căn cứ đề xuất chính sách cho phù hợp với quy mô và chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên/nghiên cứu viên của Trường trong từng giai đoạn; xây dựng và thực hiện quy định về khối lượng công việc cụ thể (KPIs) về phục vụ cộng đồng để quản trị, đánh giá giảng viên/nghiên cứu viên hàng năm và định kỳ; có phần mềm quản lý giảng viên/nghiên cứu viên, với các dữ liệu liên quan đến hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và tham gia công tác đào tạo bồi dưỡng theo quy định làm căn cứ cho việc quản trị, giám sát kết quả thực hiện nhiệm vụ và hỗ trợ trong việc khen thưởng tạo động lực cho đội ngũ giảng viên/nghiên cứu viên; tăng cường các nội dung bồi dưỡng giảng viên/nghiên cứu viên về phát triển CTĐT, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá và khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng thông qua các nội dung đã thực hiện; phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên để xác định mức độ đáp ứng các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ dựa trên giải pháp đề cập trong Chiến lược phát triển Trường, có đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học giữa các khoa trong Trường và cơ sở giáo dục khác trong phạm vi Đại học Thái Nguyên làm căn cứ xây dựng chiến lược, chính sách phát triển khoa học công nghệ của Trường.

7. Rà soát, bổ sung và tách các đối tượng khảo sát để đánh giá mức độ đáp

ứng của đội ngũ nhân viên hỗ trợ; rà soát, đánh giá và đưa ra các biện pháp truyền thông có hiệu quả để hỗ trợ trong công tác tuyển dụng, đảm bảo tuyển được đội ngũ nhân viên đáp ứng với yêu cầu cầu phát triển của Trường; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công việc có tính định lượng, dễ đo lường phù hợp với từng vị trí công việc; phân tích sâu nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên; tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng với mục tiêu chiến lược và tầm nhìn của Trường đã đặt ra; rà soát và xây dựng lại các câu hỏi trong phiếu khảo sát đánh giá sự hài lòng của đội ngũ nhân viên hỗ trợ về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là công tác thi đua khen thưởng.

8. Sử dụng các thông tin vĩ mô về kinh tế - xã hội để phân tích nhu cầu nguồn đào tạo nhân lực và tăng cường hơn nữa việc điều tra đánh giá đúng nhu cầu đào tạo trong phân khúc thị trường lao động ở Thái Nguyên, Trung du miền núi phía Bắc và các tỉnh phía Bắc để xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp; tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, tư vấn tuyển sinh; quan tâm việc truyền thông tuyển sinh thông qua cựu sinh viên thành đạt; xây dựng chiến lược truyền thông và đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên làm công tác truyền thông và tư vấn tuyển sinh chuyên nghiệp nhằm thu hút người học, tăng số lượng thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học; tổ chức đánh giá về việc thực hiện giám sát của các đơn vị được phân công trong việc theo dõi, hướng dẫn và giúp đỡ sinh viên trong các hoạt động học tập, rèn luyện; thực hiện đánh giá sự phối hợp của hệ thống giám sát giữa các đơn vị để theo dõi, giám sát và sự tiến bộ trong học tập, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học; tổng kết, phân tích đối sánh kết quả giám sát sự tiến bộ của người học về học tập và rèn luyện, tỉ lệ thôi học, học vượt, học chậm... để từ đó tìm ra nguyên nhân và có biện pháp cải tiến chất lượng; rà soát, đánh giá hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và hỗ trợ việc làm để các đơn vị xây dựng phương hướng, nhiệm vụ cụ thể để nâng cao chất lượng phục vụ, hỗ trợ người học; tập trung hỗ trợ khởi nghiệp, nghiên cứu khoa học, đào tạo các kỹ năng mềm cho sinh viên; tổ chức tọa đàm giữa các chuyên gia, các cựu sinh viên với sinh viên năm cuối để chuẩn bị kiến thức cần thiết cho sinh viên trước khi ra trường; tăng cường giao lưu giữa sinh viên với doanh nghiệp; xây dựng Cổng thông tin việc làm với các thông tin tuyển dụng được cập nhật thường xuyên, kịp thời để hỗ trợ việc làm cho sinh viên tốt nghiệp; thông qua sổ theo dõi tình hình việc làm của sinh viên để đánh giá và đề xuất chỉ tiêu tuyển sinh, điều chỉnh cơ cấu ngành đào tạo, đổi mới nội dung, CTĐT, phương pháp dạy học hoặc những thay đổi khác nhằm nâng cao chất lượng đào tạo; xây dựng văn bản riêng quy định về quy tắc ứng xử cho người học dưới dạng “quy tắc” bảo đảm ngắn gọn dễ nhớ, giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận, dễ dàng thực hiện và lan toả phổ biến thường xuyên cho sinh viên trong các buổi sinh hoạt, trong tuần sinh hoạt công dân đầu khoá.

9. Rà soát hiện trạng và xây dựng kế hoạch mở rộng diện tích làm việc cho giảng viên, bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đầu tư hiện đại hóa thư viện, bổ sung các phòng đọc chuyên ngành, phòng học nhóm, phòng nghe nhìn; cập nhật, bổ sung giáo trình và học liệu theo Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

phát triển nền tảng phần mềm tích hợp tổng thể nhằm đồng bộ hóa các hệ thống đang vận hành tạo thuận lợi chia sẻ dữ liệu và quản lý tập trung; rà soát, ban hành một bộ quy định thống nhất về tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe và an toàn, cập nhật theo quy định pháp luật hiện hành.

10. Tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học cùng chuyên ngành ở ngoài trường khi xây dựng/rà soát CTĐT; có cơ chế giám sát việc thực hiện quy định về rà soát, đánh giá hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá của các Khoa/Bộ môn; thường xuyên thực hiện hoạt động khảo sát, lấy ý kiến đầy đủ của các bên liên quan đánh giá về hoạt động của thư viện, phòng thực hành/thí nghiệm và các dịch vụ hỗ trợ khác; có chính sách khuyến khích giảng viên, người học tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, kết hợp hài hoà nghiên cứu chuyên sâu chuyên ngành với nghiên cứu về phát triển chương trình dạy học, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá.

11. Có các giải pháp phù hợp để giảm tỷ lệ thôi học, tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn và tỷ lệ tốt nghiệp khóa học, đặc biệt số sinh viên còn tồn đọng do thiếu điểm các học phần, các chứng chỉ; có các giải pháp phù hợp để cải tiến chất lượng đào tạo nhằm rút ngắn thời gian đào tạo bằng cách có sinh viên tốt nghiệp trước hạn, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng; chú trọng phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong sinh viên về quy trình thực hiện, số lượng, chất lượng và tính ứng dụng; khuyến khích sinh viên đăng kết quả trên báo khoa học.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử trình độ đại học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.